

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi sau này.

Ngành nghề kinh doanh đăng ký: Đầu tư các dự án, xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước, kho tàng, bến bãi; Kinh doanh bất động sản, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng, phương tiện vận tải, nguyên vật liệu xây dựng; Đại lý cho các hãng, các tổ chức sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước, kinh doanh các mặt hàng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hoá; Tư vấn đầu tư; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Lập tổng dự toán, dự toán công trình; Trang trí nội ngoại thất; Quản lý dự án, giám sát thi công và kiểm định chất lượng công trình; Tư vấn tài chính doanh nghiệp; Sản xuất, chế biến, khai thác khoáng sản (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Sản xuất, chế biến và mua bán lương thực, thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); Mua bán nông lâm thủy hải sản, hàng may mặc, giày dép, gốm sứ, hàng điện tử, thủy tinh, nguyên vật liệu ngành công nông lâm nghiệp, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh); Tư vấn du học; Sản xuất bê tông, bê tông dự ứng lực, sản phẩm từ xi măng-bê tông-kim loại, vữa, sản phẩm bê tông đúc sẵn, ống cống, cọc bê tông cốt thép, xi măng vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất lắp đặt kết cấu thép công trình công nghiệp (không sản xuất tại trụ sở); Gia công cơ khí (không gia công tại trụ sở); Thi công lắp đặt hệ thống kỹ thuật điện, cơ điện lạnh công trình; Kinh doanh nhà ở; Xây dựng công trình điện đến 35KV, thủy điện, kinh doanh điện; Đào tạo nghề; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Công ty có trụ sở chính tại số 47 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty là 4.612.461.334 đồng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc phải công bố trên báo cáo tài chính kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Mai Long | Chủ tịch |
| - Ông Lê Thế Hùng | Phó chủ tịch |
| - Ông Lê Duy Bắc | Ủy viên |
| - Ông Bùi Minh Trường | Ủy viên |
| - Bà Nguyễn Thị Lệ Hà | Ủy viên |

Ban giám đốc

- | | |
|---------------------|----------------|
| - Ông Phan Huy Diễn | Quyền giám đốc |
|---------------------|----------------|

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHE DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Phan Huy Diễn
Quyền giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
159/14 đường Bạch Đằng, P.2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Tel: (848) 6293.6178 - Fax: (848) 3848.8550
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 10-2-016/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 4 đến trang 25. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 4 - các khoản phải thu khác, công ty chưa lập dự phòng đối với khoản phải thu chậm thanh toán của công ty TNHH Hải Phú do đang khởi kiện đòi nợ từ công ty này ra Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.



Tô Đình Hoài
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Tô Đình Hoài
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1174/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 116.754.162.790 | 110.275.736.392 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | <i>110</i> | | <i>5.538.711.834</i> | <i>1.096.965.996</i> |
| 1. Tiền | 111 | 3 | 5.538.711.834 | 1.096.965.996 |
| <i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | <i>130</i> | | <i>47.601.821.482</i> | <i>32.855.410.126</i> |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 24.144.617.895 | 10.883.407.340 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 20.036.694.107 | 19.816.506.015 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 4 | 5.847.712.522 | 4.758.039.490 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 5 | (2.427.203.042) | (2.602.542.719) |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | <i>140</i> | | <i>40.257.147.627</i> | <i>65.820.505.190</i> |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 6 | 40.257.147.627 | 65.820.505.190 |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | <i>150</i> | | <i>23.356.481.847</i> | <i>10.502.855.080</i> |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 440.335.005 | 486.076.133 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 275.099.031 | - |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 7 | 22.641.047.811 | 10.016.778.947 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 50.773.413.464 | 45.132.879.924 |
| <i>I. Tài sản cố định</i> | <i>220</i> | | <i>43.718.376.242</i> | <i>38.545.596.569</i> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 16.649.739.278 | 13.418.878.856 |
| - Nguyên giá | 222 | | 23.867.475.876 | 18.008.075.788 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (7.217.736.598) | (4.589.196.932) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 6.432.971.300 | 4.952.000.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 6.432.971.300 | 4.952.000.000 |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 10 | 20.635.665.664 | 20.174.717.713 |
| <i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i> | <i>250</i> | | <i>5.825.000.000</i> | <i>5.200.000.000</i> |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 11 | 625.000.000 | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 12 | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| <i>III. Tài sản dài hạn khác</i> | <i>260</i> | | <i>1.230.037.222</i> | <i>1.387.283.355</i> |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | - | 211.036.217 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 61.826.293 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 14 | 1.230.037.222 | 1.114.420.845 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 167.527.576.254 | 155.408.616.316 |



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
159/14 đường Bạch Đằng, P.2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Tel: (848) 6293.6178 - Fax: (848) 3848.8550
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 10-2-016/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 4 đến trang 25. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 4 - các khoản phải thu khác, công ty chưa lập dự phòng đối với khoản phải thu chậm thanh toán của công ty TNHH Hải Phú do đang khởi kiện đòi nợ từ công ty này ra Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.



Tô Đình Hoài
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Tô Đình Hoài
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1174/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2010

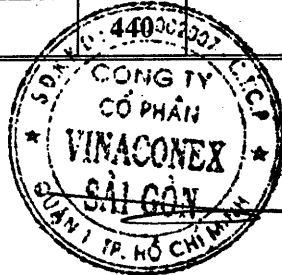
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 121.318.677.065 | 111.602.677.699 |
| <i>I. Nợ ngắn hạn</i> | <i>310</i> | | <i>109.863.647.309</i> | <i>104.138.542.460</i> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 15 | 15.969.558.792 | 16.420.638.906 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 23.224.521.510 | 22.718.131.614 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 40.317.068.797 | 40.029.210.212 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 16 | 5.971.178.170 | 2.152.296.537 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 191.922.099 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 17 | 6.847.376.765 | 6.390.072.757 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 18 | 17.342.021.176 | 16.428.192.434 |
| <i>II. Nợ dài hạn</i> | <i>330</i> | | <i>11.455.029.756</i> | <i>7.464.135.239</i> |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | 19 | 253.800.250 | 263.800.250 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | 20 | 11.139.125.601 | 7.139.125.601 |
| 3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 62.103.905 | 61.209.388 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 46.208.899.189 | 43.805.938.617 |
| <i>I. Vốn chủ sở hữu</i> | <i>410</i> | | <i>45.871.446.553</i> | <i>43.686.784.764</i> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 21 | 33.549.950.000 | 33.549.950.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 21 | 3.550.267.500 | 3.550.267.500 |
| 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | 21 | 2.475.752 | - |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 21 | 1.962.432.371 | 1.417.530.959 |
| 5. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 21 | 612.565.134 | 455.976.887 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 21 | 6.193.755.796 | 4.713.059.418 |
| <i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i> | <i>430</i> | | <i>337.452.636</i> | <i>119.153.853</i> |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 337.452.636 | 119.153.853 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | | 167.527.576.254 | 155.408.616.316 |



Hoàng Công Thành
Kế toán trưởng
Ngày 10 tháng 02 năm 2010

Phan Huy Diễn
Quyền giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 133.994.172.686 | 109.657.810.142 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 22 | 133.994.172.686 | 109.657.810.142 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 23 | 121.501.019.854 | 97.139.055.096 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 12.493.152.832 | 12.518.755.046 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 1.293.960.768 | 749.552.809 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 2.550.825.249 | 3.833.816.103 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.279.902.352 | 2.995.770.888 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 26 | 5.858.363.694 | 6.839.355.855 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 5.377.924.657 | 2.595.135.897 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 27 | 358.488.234 | 1.870.815.737 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 28 | 84.283.269 | 98.390.907 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 274.204.965 | 1.772.424.830 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 5.652.129.622 | 4.367.560.727 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 29 | 977.841.995 | 1.297.622.064 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 61.826.293 | (61.826.293) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 4.612.461.334 | 3.131.764.956 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 1.379 | 951 |



[Handwritten signature]

Hoàng Công Thành
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]
Phan Huy Diễn
Quyền giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 5.652.129.622 | 4.367.560.727 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao | 02 | | 2.637.516.939 | 2.025.841.170 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (174.445.160) | 1.239.793.554 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | 220.808.191 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (188.762.736) | (1.959.309.393) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 2.279.902.352 | 2.995.770.888 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 10.206.341.017 | 8.890.465.137 |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | | (27.343.353.401) | (10.544.789.052) |
| - (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | | 25.563.357.563 | (26.607.106.843) |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 4.076.226.225 | 34.794.950.230 |
| - (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | | 202.987.261 | (1.013.429.341) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (2.094.101.812) | (2.376.838.554) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (600.000.000) | (113.421.771) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 31.081.818 | 16.600.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (230.911.500) | (1.365.336.525) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 9.811.627.171 | 1.681.093.281 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (7.813.046.612) | (15.087.231.084) |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 2.750.000 | - |
| - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (10.100.000.000) |
| - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 10.138.000.000 |
| - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (625.000.000) | (559.414.180) |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 188.762.736 | 267.508.957 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (8.246.533.876) | (15.341.136.307) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|----------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 3.799.080.000 |
| - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 31.592.155.414 | 26.602.508.409 |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (28.043.235.528) | (27.415.117.021) |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (674.743.095) | (2.668.256.111) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | 2.874.176.791 | 318.215.277 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> | 50 | | 4.439.270.086 | (13.341.827.749) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 3 | 1.096.965.996 | 14.438.793.745 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 2.475.752 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 3 | 5.538.711.834 | 1.096.965.996 |



[Handwritten signature]

Hoàng Công Thành
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]
Phan Huy Diễn
Quyền giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2010